

I. Lý thuyết về Ôn tập các số đến 100

**1. KIẾN THỨC CẦN NHỚ**

- Đọc, đếm, viết các số trong phạm vi 100.

- Nhận biết các số có một chữ số; số lớn nhất; số bé nhất, số bé nhất có một chữ số; số lớn nhất, số có một chữ số, số có hai chữ số, số liền trước, số liền sau....

									0
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

II. CÁC DẠNG TOÁN về Ôn tập các số đến 100

**Dạng 1: Đọc, đếm, viết các số trong phạm vi 100**

- Đọc các số lần lượt từ hàng chục (với các số khác) ghép với từ mười rồi đến chữ số hàng đơn vị.

- Từ cách đọc, viết các chữ số tương ứng với mỗi hàng rồi ghép lại để được số có hai chữ số.

**Ví dụ:**

Hàng chục	Hàng đơn vị	Viết số	Đọc số
9	5	95	Chín mươi lăm

**Dạng 2: Đặc điểm của các số trong phạm vi 100**

Cần ghi nhớ một số các đặc điểm sau:

a) Các số có một chữ số là các số trong phạm vi từ 0 đến ...

- b) Các số tròn chục là: 10;20;30;40;50;60;70;80;90 và 100
- c) Số bé nhất có hai chữ số là 10, số lớn nhất có hai chữ số là số 99.
- d) Các số có hai chữ số giống nhau là số....

**Ví dụ:** Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là.....

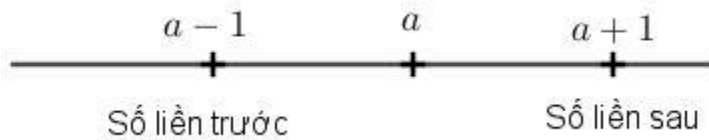
Giải:

Số tròn chục lớn nhất có hai chữ số là 90.

Số cần điền vào chỗ chấm là 90

**Dạng 3: Số liền trước, liền sau.**

- Số liền trước của một số  $a$  bất kì thì kém số  $a$  một đơn vị.
- Số liền sau của một số  $a$  bất kì thì hơn số  $a$  một đơn vị.



**Ví dụ:**

- Số liền trước của số 14 là số 13,  $(14 - 1)$
- Số liền sau của số 14 là số 15,  $(14 + 1)$ .